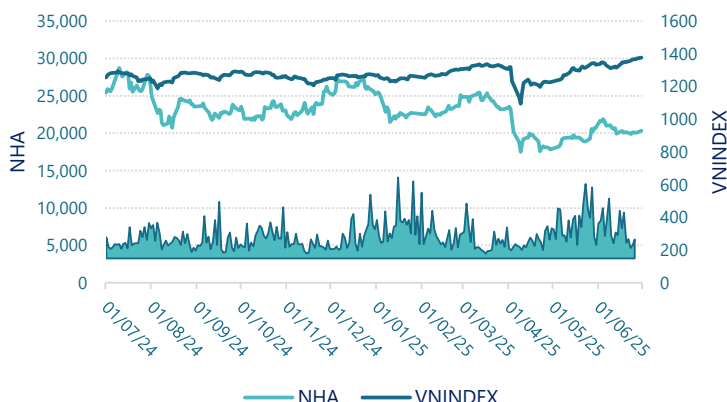


Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (HSX: NHA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,727
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,500
SL cổ phiếu LH	48,591,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)	557,745
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	989
P/E	14.0
EPS	1,456

DT thuần

Q2/25

75.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.2| -22.0%

YoY: ▲ 14.6| 24.0%

LN sau thuế

Q2/25

14.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.4| -56.8%

YoY: ▼14.6| -49.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

25.8%

+/- YoY: ▼ 35.6%

DT thuần

6T 2025

172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 76.8| 80.7%

LN sau thuế

6T 2025

48.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.70| 18.7%

ROE

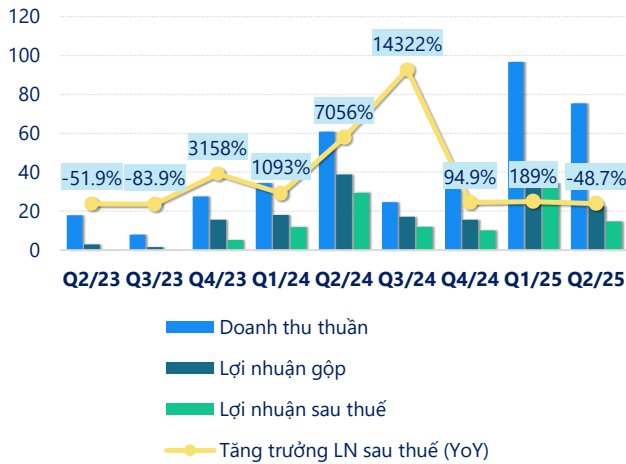
Q2/25

13.6%

+/- YoY: ▲ 3.3%

tỷ VNĐ

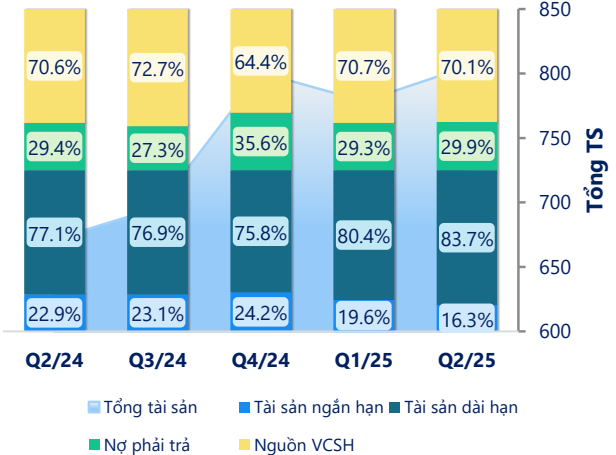
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

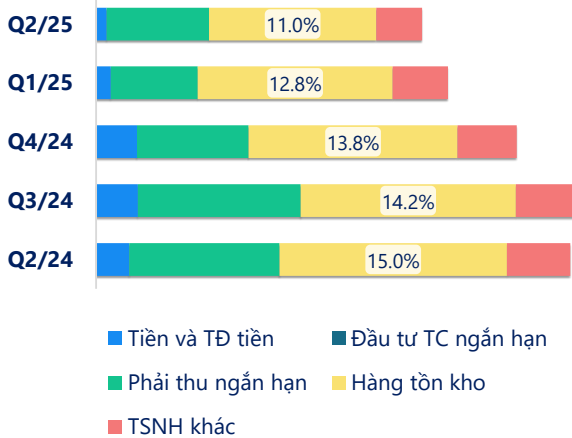
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



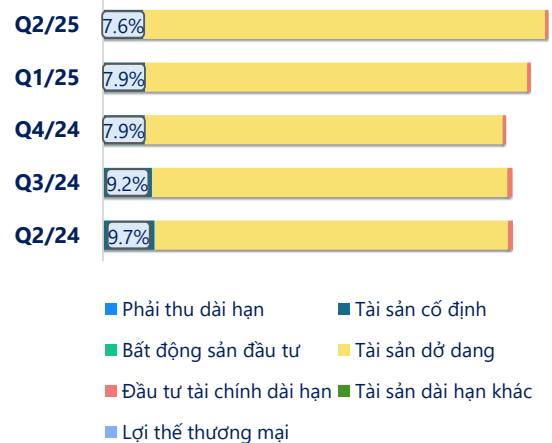
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

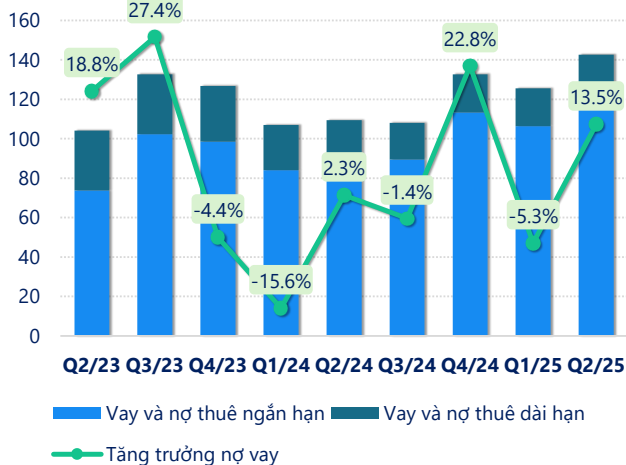
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

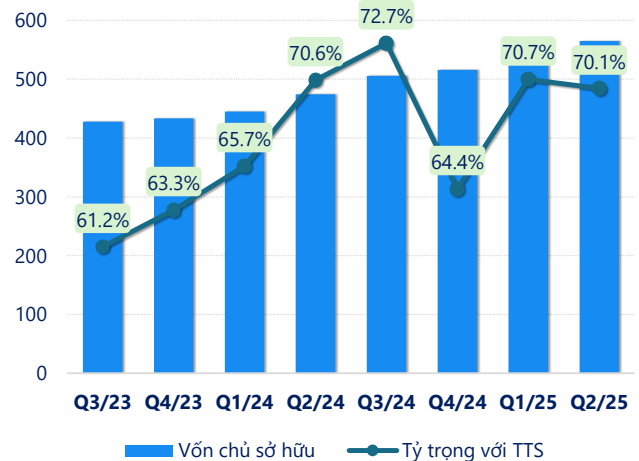
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

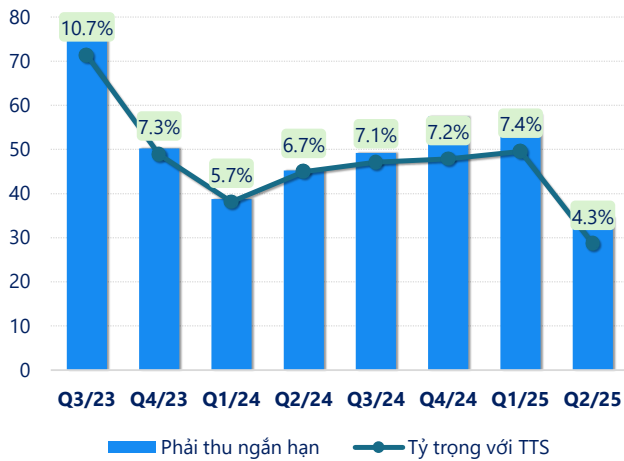
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

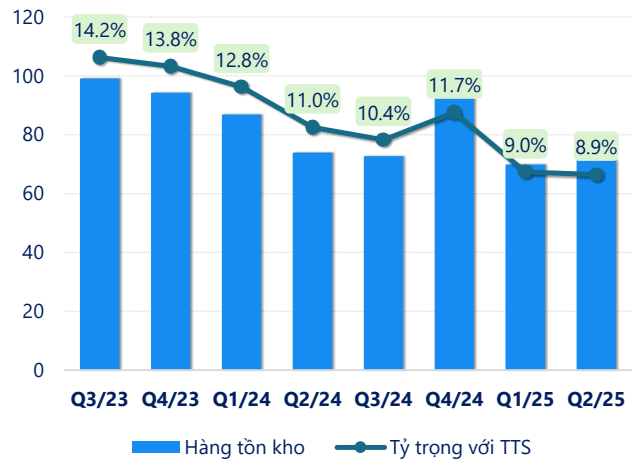
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

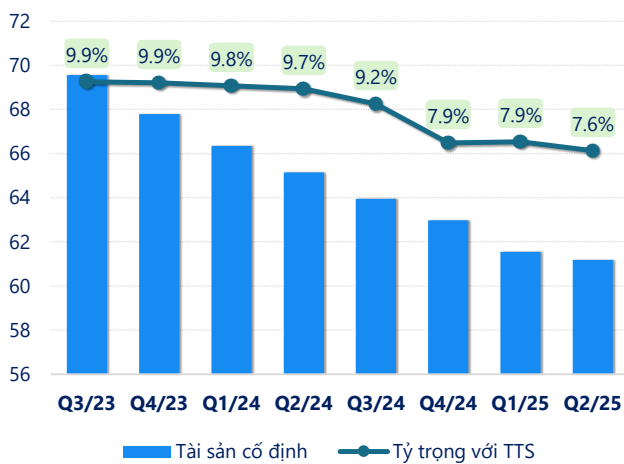
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

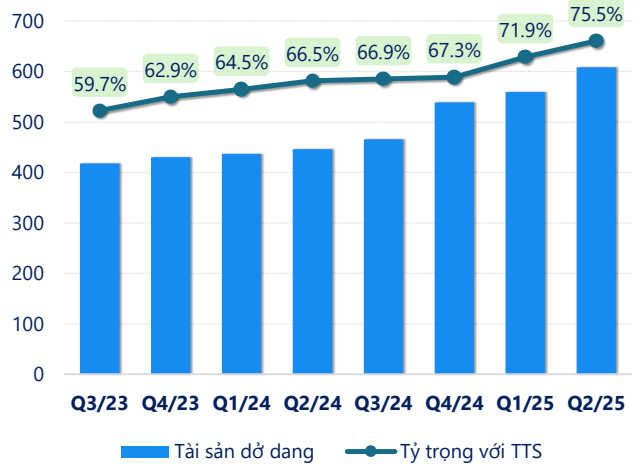
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

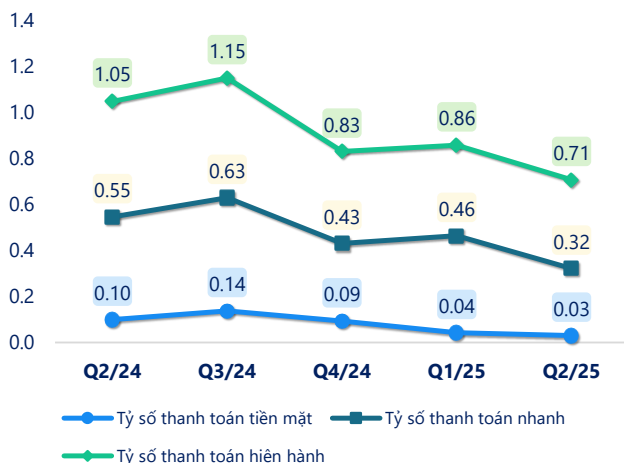
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



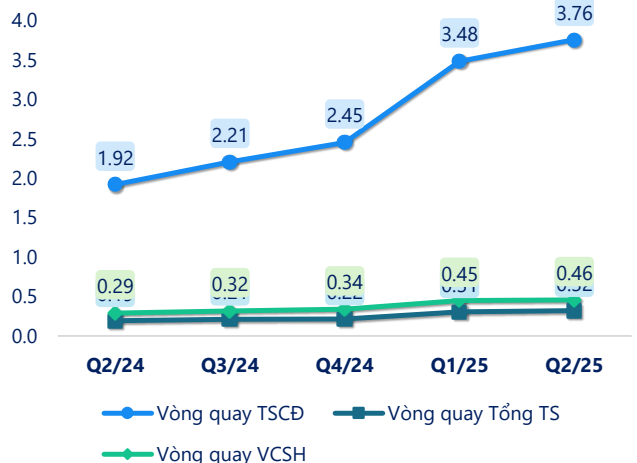
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	671	696	801	779	805
Tài sản ngắn hạn	154	161	194	152	131
Tiền và tương đương tiền	14.7	19.2	21.6	7.47	5.60
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	45.3	49.2	57.5	57.8	34.6
Hàng tồn kho	73.9	72.7	93.5	69.9	71.4
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	19.5	21.5	17.1	19.3
Tài sản dài hạn	517	535	607	626	674
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	65.1	64.0	63.0	61.5	61.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	446	466	539	560	608
Đầu tư tài chính dài hạn	5.73	5.73	4.56	4.55	4.42
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.09	0.06	0.49	0.49
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	197	190	285	228	240
Nợ ngắn hạn	147	140	234	178	185
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.5	89.4	113	106	122
Phải trả người bán ngắn hạn	9.10	10.7	16.0	14.5	35.6
Nợ dài hạn	50.3	50.3	50.9	50.9	55.3
Vay và nợ thuê dài hạn	19.0	18.5	19.2	19.2	20.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	474	506	516	550	565
Vốn chủ sở hữu	474	506	516	550	565
Vốn điều lệ	422	442	442	442	486
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)